TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **02**/2026/DS-ST Ngày: 05 - 3 - 2026 *V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Duy Tuần;
2. Bà Phạm Thị Bông.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Bà An Thị Hà Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST- DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).

Địa chỉ: Số B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị H, số CCCD: 030182004760, chức vụ: Trưởng phòng G - Chi nhánh H1. Địa chỉ: Số D N, xã T, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền số 718/2026/QĐ- PC ngày 03/3/2026). Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn C, sinh năm 1991. Số CCCD: 030091002859.

Nơi cư trú: Khu B, xã B, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương). Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1), do người đại diện bà Lương Thị H trình bày:

Ngày 24/05/2022, S1 chi nhánh H1 – P cùng Ông Cao Văn C giao kết ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022 với hạn mức Thẻ tín dụng được cấp là 22.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ thì chủ thẻ có thể rút tiền mặt hoặc chi tiêu thanh toán điện tử hoặc vay tiêu dùng trả góp qua App của ngân hàng trong hạn mức được cấp. Trường hợp khi vay tiêu dùng trả góp qua App thì hệ thống sẽ tự động ghi nhận số thẻ tín dụng mới theo món vay tiêu dùng. Đối với từng yêu cầu có thể là ngày 5, 10, 15, 20, 25 là ngày chốt giao dịch hàng tháng thì khách hàng phải trả tiền gốc lãi tối thiểu hàng tháng đối với khoản tiền đã sử dụng theo quy định của ngân hàng ở từng thời kỳ. Nếu quá thời hạn thanh toán thì khách hàng phải chịu lãi trên số tiền đã sử dụng cộng lãi gộp lại thành gốc phát sinh mới chuyển kỳ sau để tiếp tục tính lãi cộng với phí phạt trễ hạn thanh toán tại từng kỳ trễ hạn theo quy định của ngân hàng với mức phí phạt là 2% trên gốc + lãi tại thời điểm từng kỳ, tối thiểu phải chịu phí phạt là 80.000 đồng/kỳ trễ hạn. Chi tiết theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Điều khoản – điều kiện đính kèm.

- Ngày 26/05/2022, anh Cao Văn C giải ngân khoản vay tiêu dùng trả góp qua app của ngân hàng trong hạn mức Thẻ tín dụng được cấp. Thời điểm vay tính từ ngày 26/05/2022 đến ngày 26/03/2023, số tiền giải ngân là 19.000.000 đồng, phương thức vay góp đều gốc và lãi, số tiền phải trả hàng tháng là 1.900.000 đồng tiền gốc và 171.000 đồng tiền lãi. Chi tiết theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm Giấy nhận nợ đính kèm.

- Ngày 27/08/2022, anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định S1 chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, nợ quá hạn được tính từ ngày 27/08/2022, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tính đến hết tính đến ngày 05/3/2026, khoản vay qua thẻ tín dụng của anh C quá hạn 1.286 ngày, tổng dư nợ là: Dư nợ gốc là 18.195.000 đồng, lãi trong hạn 12.045.600 đồng, lãi quá hạn 6.022.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 36.263.040 đồng.

- Trong quá trình vay vốn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ anh C qua điện thoại, đồng thời khi quá hạn thanh toán đã tới nhà gửi thông báo nhắc nợ tới Khách hàng và lập

Biên bản làm việc vào ngày 02/10/2023. Theo đó, số tiền nợ gốc lãi tại thời điểm ngày 02/10/2023 là 22.566.310 đồng, anh C cam kết sẽ thanh toán 1.800.000đ vào ngày 15 hàng tháng trong vòng 12 tháng (còn lại bao nhiêu sẽ trả nốt trong kỳ cuối cùng) để trả dứt điểm gốc lãi khoản vay. Khoản vay tín dụng của khách hàng Cao Văn C là khoản vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên trong Biên bản lấy lời khai đại diện ngân hàng ngày 08/01/2026 lại thể hiện biện pháp xử lý nợ là "đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp phía ngân hàng đã trình bày ở trên để thu hồi nợ". Ngân hàng xác định đây là nhầm lẫn chủ quan, ngân hàng xin rút lại phần trình bày này, ngân hàng khẳng định khoản vay tín dụng của Ngân hàng đối với ông C là khoản vay không có tài sản bảo đảm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật về cho vay không có tài sản bảo

Bị đơn anh Cao Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) có đơn khởi kiện.

Xác minh tại chính quyền thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng xác định: Anh Cao Văn C đi nước ngoài từ tháng 4 năm 2025. Hiện anh C không có mặt tại địa phương, địa phương không nắm được anh C đi nước nào và địa chỉ cụ thể của anh C.

Người làm chứng: chị Trần Thị D (là vợ anh C) xác định chị biết anh C vay nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) vì cán bộ Ngân hàng có đến tìm chị còn vay từ khi nào, bao nhiêu chị không nắm được. Hiện anh C đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, còn địa chỉ cụ thể của anh C ở Hàn Quốc chị không biết. Anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ tháng 7/2025 đến nay. Việc vay nợ là việc của anh C với Ngân hàng chị không liên quan.

Tại Công văn số 4321/XNC-Đ1 ngày 09/12/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H xác định anh Cao Văn C, sinh ngày 01/10/1991, có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 16/4/2025, bằng hộ chiếu số E03489973 qua cửa khẩu S2; chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND khu vực 13- Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- *Về việc chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã

chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 318, khoản 1 Điều 357, Điều 429, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc anh Cao Văn C phải thanh toán trả cho Ngân hàng S1 theo Hợp đồng tín dụng số 3015 ngày 24/5/2022 khoản nợ gốc, lãi của các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 05/3/2026, tổng dư nợ là: Dư nợ gốc là 18.195.000 đồng, lãi trong hạn 12.045.600 đồng, lãi quá hạn 6.022.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 36.263.040 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, anh Cao Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp quy định tại từng thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Cao Văn C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho Ngân hàng S1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng giải quyết việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Anh C hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Thôn B, xã B, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh C, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh C đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do anh C đang lao

động tại Hàn Quốc, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ của anh C nhưng gia đình không cung cấp được đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh C được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu đòi số tiền gốc :

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022 do anh Cao Văn C ký kết để vay nợ với ngân hàng TMCP S (S1) có chữ ký, con dấu của các bên là Hợp đồng tín dụng hợp pháp nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên; căn cứ vào bản sao kê của S1, biên bản làm việc ngày 02/10/2023 giữa đại diện S1 với anh Cao Văn C, thông báo ngày 02/10/2023 của S1, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xác định: Anh Cao Văn C có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của S1 với tổng số tiền là 19.000.000 đồng, thời điểm vay tính từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/3/2023, phương thức vay góp đều gốc và lãi, số tiền phải trả hàng tháng là 1.900.000 đồng tiền gốc và 171.000 đồng tiền lãi. Trong quá trình vay vốn anh C đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 2.370.000 đồng (trong đó: ngày 01/7/2022 anh C thanh toán số tiền là 2.071.000 đồng, ngày 30/6/2022 anh C thanh toán số tiền là 299.000 đồng). Đến ngày 27/8/2022 anh Cao Văn C không thực hiện trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của bên vay. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Vì vậy ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu anh Cao Văn C trả số tiền nợ gốc của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022 là 18.195.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng quy định *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2.Tổ chức tin dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tin dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Như vậy, yêu cầu về thanh toán các khoản nợ lãi trong hạn theo thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022 tính đến ngày 05/3/2026 là

12.045.600 đồng (có bản kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo) của Ngân hàng TMCP S (S1) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu thanh toán lãi quá hạn của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022 tính đến ngày 01/3/2026 là 6.022.800 đồng (có bản kê tính lãi và tổng du nợ kèm theo). Tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *"Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trà, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do đó, yêu cầu về thanh toán các khoản tiền trên của Ngân hàng TMCP S (S1) là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đưa ra phương án trả nợ.

Vì vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 05/03/2026. Tổng dư nợ còn lại của khoản vay là: Dư nợ gốc là 18.195.000 đồng, lãi trong hạn 12.045.600 đồng, lãi quá hạn 6.022.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 36.263.400 đồng và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 06/03/2026 cho đến khi anh Cao Văn C trả hết toàn bộ nợ cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ đã ký kết.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Cao Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 117, Điều119, Điều 274, khoản 1 Điều 275, khoản 8 Điều 292, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 23 Luật giao dịch điện tử năm 2023;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).

- Buộc anh Cao Văn C có nghĩa vụ thanh toán trả cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) khoản nợ gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng tính đến tính đến ngày 05/3/2026 với tổng dư nợ là: Dư nợ gốc là 18.195.000 đồng, lãi trong hạn 12.045.600 đồng, lãi quá hạn 6.022.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 36.263.400 đồng.

Kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2026, anh Cao Văn C còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn hạn mức số 3015 ngày 24/5/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với anh Cao Văn C cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí: Anh Cao Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.813.000 đồng (đã làm tròn số). Trả lại ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 800.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: BLTU/25E số 0004260, ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn anh Cao Văn C đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Quý Long